

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

Số: 19/2013/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Thuận, ngày 07 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009;

Căn cứ Thông tư số 123/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, khai thác phần mềm quản lý đăng ký tài sản nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 371/TTr-STC ngày 24 tháng 4 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Thủ trưởng các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo)
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Như điều 3;
- Đài PTTH; Báo Bình Thuận;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Trung tâm CB&TTĐT;
- Lưu VT, KT, NC, ĐTQH, TH, TTTH, Tưng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Tiên Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong
cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của
tỉnh Bình Thuận**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2013/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm
2013 của UBND tỉnh Bình Thuận)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc khối tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là các cơ quan chủ quản) và các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (sau đây gọi tắt là các cơ quan, tổ chức, đơn vị) với Sở Tài chính trong việc:

a) Cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản nhà nước thuộc diện phải kê khai đăng ký vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước;

b) Sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước vào các mục đích: thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các báo cáo khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; lập dự toán, xét duyệt quyết toán; quyết định, kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp cải tạo, sửa chữa, sử dụng, xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản nhà nước.

2. Tài sản nhà nước phải thực hiện báo cáo kê khai và cập nhật thông tin kê khai về tài sản nhà nước vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước gồm:

a) Trụ sở làm việc, quyền sử dụng đất để xây dựng trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất;

b) Xe ô tô các loại;

c) Tài sản khác nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

Việc phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 1 Quy chế này phải tuân theo nguyên tắc chặt chẽ, kịp thời, thống nhất, đảm bảo tính chính xác số liệu của cả tỉnh, từng cấp và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong Cơ sở dữ liệu.

Điều 3. Trách nhiệm các bên trong quan hệ phối hợp

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước của Bộ Tài chính cho các đơn vị trong tỉnh;

b) Xem xét, quyết định việc phân quyền khai thác thông tin (xem, in) tài sản nhà nước cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản kê khai trong Cơ sở dữ liệu.

c) Tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Thuận trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo định kỳ, đúng thời gian quy định;

d) Tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xử lý những cơ quan, tổ chức, đơn vị vi phạm quy định trong việc lập Báo cáo kê khai, nhập dữ liệu, duyệt dữ liệu, khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định cụ thể tại Quy chế này.

2. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm:

a) Thực hiện và chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện Quy chế này;

b) Kiểm tra, rà soát, chuẩn hóa dữ liệu, xác nhận thông tin về tài sản và lập báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý theo định kỳ đúng thời gian quy định.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản phải báo cáo, kê khai có trách nhiệm:

a) Báo cáo, kê khai đầy đủ, hợp lý, đúng thời gian quy định, chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu đối với các tài sản nhà nước thuộc diện phải kê khai đăng ký;

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phối hợp trong việc lập, xác nhận Báo cáo kê khai, cập nhật dữ liệu tài sản nhà nước vào Cơ sở dữ liệu

1. Trình tự kê khai lần đầu: áp dụng trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc diện phải kê khai đăng ký nhưng chưa báo cáo kê khai.

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện:

- Lập 03 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản, gửi 02 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ quản; 01 bộ hồ sơ lưu tại đơn vị. Hồ sơ gồm:

- Danh mục tài sản theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính; cụ thể :

+ Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện kê khai theo Mẫu số 01-ĐK/TSNN; mỗi trụ sở lập riêng một báo cáo kê khai;

+ Đối với xe ô tô thực hiện kê khai theo Mẫu số 02-ĐK/TSNN; mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị lập một báo cáo kê khai;

+ Đối với tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản thực hiện kê khai theo Mẫu số 03-ĐK/TSNN; mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị lập một báo cáo kê khai.

- Kèm theo bản sao các giấy tờ có liên quan đến tài sản báo cáo kê khai, gồm: giấy tờ liên quan đến nhà, đất đang sử dụng (đối với trụ sở làm việc); giấy đăng ký xe ô tô; biên bản nghiệm thu đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

b) Cơ quan chủ quản xác nhận hồ sơ báo cáo kê khai tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; gửi 01 bộ hồ sơ đã có xác nhận đến Sở Tài chính, 01 bộ lưu tại cơ quan chủ quản. Thời gian thực hiện chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ báo cáo kê khai tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

c) Sở Tài chính nhập và duyệt tài sản (gồm nhập số dư ban đầu và biến động tài sản) vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước. Thời gian thực hiện chậm nhất 15 ngày kể từ khi nhận được báo cáo kê khai của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Trường hợp dữ liệu các cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo chưa đầy đủ, chưa chính xác hoặc không hợp lý, Sở Tài chính yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị rà soát, chỉnh lý trước khi duyệt tài sản vào Cơ sở dữ liệu.

2. Trình tự kê khai bổ sung: áp dụng khi có thay đổi thông tin về tài sản nhà nước thuộc diện phải kê khai đăng ký do đầu tư xây dựng; mua sắm mới; tiếp nhận từ cơ quan, tổ chức, đơn vị khác về sử dụng; thanh lý, điều chuyển, thu hồi, tiêu hủy,

bán; thay đổi mục đích sử dụng của tài sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản thay đổi tên gọi, thay đổi cơ quan chủ quản, chia tách, sát nhập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện:

- Lập 03 bộ hồ sơ báo cáo kê khai bổ sung theo mẫu quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư 09/2012/TT-BTC kèm theo bản sao các giấy tờ có liên quan, cụ thể:

+ Tài sản được đầu tư xây dựng mới, mua sắm hoặc tiếp nhận về sử dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị: Thực hiện kê khai theo Mẫu số 01-ĐK/TSNN, Mẫu số 02-ĐK/TSNN, Mẫu số 03-ĐK/TSNN;

+ Thay đổi thông tin về đơn vị sử dụng tài sản: Thực hiện kê khai theo Mẫu số 04a-ĐK/TSNN;

+ Thay đổi thông tin về tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp: Thực hiện kê khai theo Mẫu số 04b-ĐK/TSNN;

+ Thay đổi thông tin về tài sản là xe ô tô: Thực hiện kê khai theo Mẫu số 04c-ĐK/TSNN;

+ Thay đổi thông tin về tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên: Thực hiện kê khai theo Mẫu số 04d-ĐK/TSNN;

+ Xóa thông tin về tài sản trong Cơ sở dữ liệu: Thực hiện kê khai theo Mẫu số 04đ-ĐK/TSNN.

- Gửi 02 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ quản; 01 bộ hồ sơ lưu tại đơn vị. Thời hạn báo cáo kê khai bổ sung là 30 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi. Đối với tài sản đưa vào sử dụng do hoàn thành đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn thì thời gian báo cáo tính từ ngày ký biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng; giá trị tài sản sẽ được điều chỉnh sau khi quyết toán vốn đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

b) Cơ quan chủ quản và Sở Tài chính thực hiện việc xác nhận báo cáo kê khai và cập nhật dữ liệu theo quy định tại điểm b, điểm c Khoản 1 Điều này.

Điều 5. Phối hợp trong việc cung cấp thông tin, kiểm tra, đối chiếu kết quả kê khai đăng ký tài sản nhà nước

1. Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa được phân quyền khai thác thông tin:

a) Sở Tài chính gửi Phiếu xác nhận thông tin (dạng văn bản hoặc file dữ liệu) đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa được phân quyền khai thác thông tin. Thời gian thực hiện chậm nhất 15 ngày kể từ khi Sở Tài chính nhập và duyệt dữ liệu vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước.

b) Cơ quan chủ quản gửi 03 bộ Phiếu xác nhận thông tin đến các đơn vị trực thuộc. Thời gian thực hiện chậm nhất 15 ngày kể từ ngày Sở Tài chính gửi dữ liệu.

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản kiểm tra, ký xác nhận và gửi 02 bộ hồ sơ đã có xác nhận đến cơ quan chủ quản, 01 bộ lưu tại đơn vị. Trường hợp thông tin trong Phiếu xác nhận chưa chính xác, cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng các biểu mẫu nêu tại điểm a khoản 2 Điều 4 Quy chế này để điều chỉnh số liệu. Thời gian thực hiện chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được Phiếu xác nhận thông tin của cơ quan chủ quản.

d) Cơ quan chủ quản ký xác nhận vào Phiếu xác nhận thông tin, gửi Phiếu xác nhận thông tin tài sản (hoặc báo cáo điều chỉnh số liệu) về Sở Tài chính, 01 bộ lưu tại cơ quan chủ quản. Thời gian thực hiện chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận Phiếu xác nhận thông tin có xác nhận của các đơn vị trực thuộc (hoặc báo cáo điều chỉnh số liệu).

đ) Sở Tài chính căn cứ báo cáo điều chỉnh số liệu của các đơn vị, điều chỉnh dữ liệu đã nhập trong phần mềm. Sau khi chỉnh lý, việc xác nhận dữ liệu được thực hiện theo quy trình nêu trên.

2. Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được phân quyền khai thác thông tin:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được phân quyền khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu đăng nhập vào chương trình Quản lý đăng ký tài sản nhà nước; lấy dữ liệu và gửi 03 bộ Phiếu xác nhận thông tin đối với số liệu biến động tài sản trong kỳ đến các đơn vị trực thuộc (nếu có). Thời gian thực hiện chậm nhất 30 ngày kể từ ngày cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi các báo cáo (gồm: báo cáo kê khai bổ sung; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước hàng năm; báo cáo điều chỉnh số liệu...) về Sở Tài chính.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản xác nhận Phiếu xác nhận thông tin theo trình tự quy định tại điểm c, d, đ Khoản 1 Điều này.

Điều 6. Phối hợp cung cấp thông tin phục vụ báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Hàng năm, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước có trách nhiệm lập Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của năm trước đối với các tài sản quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ, gửi cơ quan chủ quản trước ngày 31 tháng 01.

Nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Cơ quan chủ quản lập Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý gửi về Sở Tài chính trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.

Nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

3. Sở Tài chính tổng hợp và dự thảo Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý trình UBND tỉnh để UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3 hàng năm.

Nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính; biểu mẫu kèm theo được kết xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước.

Điều 7. Phối hợp cung cấp thông tin phục vụ cho công tác lập dự toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi lập dự toán ngân sách nhà nước phân bổ hàng năm cho hoạt động đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước, phải trình kèm theo Phiếu xác nhận thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản nhà nước từ thời điểm hình thành đến thời điểm lập dự toán, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, tổng hợp, phê duyệt dự toán.

2. Sở Tài chính kiểm tra hiện trạng và số lượng tài sản đã được trang cấp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước. Nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa kê khai, đăng ký tài sản (*trụ sở làm việc, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/ 01 đơn vị tài sản*) theo quy định, Sở Tài chính đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị kê khai bổ sung đầy đủ trước khi thực hiện thẩm định dự toán.

3. Các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tổng hợp, phê duyệt dự toán sử dụng thông tin về tài sản nhà nước đã kê khai trong Cơ sở dữ liệu để làm cơ sở xem xét kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước.

4. Trường hợp số liệu trong Cơ sở dữ liệu không phản ánh đúng thực tế hiện trạng kiểm tra thì cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải báo cáo điều chỉnh số liệu hoặc kê khai bổ sung gửi cơ quan chủ quản, Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong Cơ sở dữ liệu trước khi xem xét kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước.

5. Sở Tài chính có trách nhiệm cung cấp Phiếu xác nhận thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản nhà nước cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khi có yêu cầu.

Điều 8. Phối hợp cung cấp thông tin phục vụ cho công tác xét duyệt quyết toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước

1. Cơ quan có thẩm quyền xét duyệt quyết toán (Sở Tài chính, Phòng Tài chính – Kế hoạch) chỉ xem xét, thực hiện quyết toán đối với các tài sản thuộc đối tượng kê khai đăng ký sau khi tài sản đó đã được đăng ký vào Cơ sở dữ liệu.

2. Sau khi quyết toán, nếu có chênh lệch về số liệu giữa Cơ sở dữ liệu với giá trị duyệt quyết toán, đơn vị thụ hưởng có trách nhiệm lập báo cáo điều chỉnh số liệu gửi cơ quan chủ quản, Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong Cơ sở dữ liệu.

3. Sau khi có kết quả duyệt quyết toán, các đơn vị thực hiện đầu tư, mua sắm có trách nhiệm bàn giao đầy đủ hồ sơ liên quan đến tài sản nhà nước cho đơn vị thụ hưởng tiếp tục theo dõi.

Điều 9. Phối hợp cung cấp thông tin phục vụ cho công tác xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản nhà nước

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước khi đề nghị xử lý tài sản nhà nước (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xử lý theo nội dung quy định tại các Điều 17, 21, 28 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ và theo Chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 4816/UBND-TH ngày 13/12/2012 về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung về trình tự, thủ tục bán, thanh lý, điều chuyển tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, kèm theo Danh mục tài sản nhà nước đề nghị xử lý theo mẫu quy định tại Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính, được in trực tiếp từ Cơ sở dữ liệu; trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm cung cấp Danh mục tài sản nhà nước đề nghị xử lý cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khi có yêu cầu.

Điều 10. Phối hợp cung cấp thông tin phục vụ cho việc kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu để thực hiện công tác kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp hồ sơ về tài sản in trực tiếp từ Cơ sở dữ liệu khi có yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt những nội dung của bản Quy chế này thì được khen thưởng. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm mà có hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao cho Sở Tài chính tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo kê khai tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc báo cáo UBND tỉnh.

2. Các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Bình Thuận có trách nhiệm triển khai thực hiện những quy định tại Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để được hướng dẫn, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Le Tien Phuong
Le Tien Phuong